

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15-9-2025.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cà Văn Ngọc và bà Bạc Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Giàng A Tăng, Thẩm phán Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Điện Biên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2025/TLST-HN&GD ngày 13 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị B**, sinh năm 1991; địa chỉ: Bản V, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là bản V, xã B, tỉnh Điện Biên) - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Cà Văn D**, sinh năm 1991. Nơi ĐKTT: Bản V, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là bản V, xã B, tỉnh Điện Biên). Nơi ở hiện nay: Bản Đ, xã S, tỉnh Điện Biên) - Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/6/2025 và bản tự khai nguyên đơn chị Lò Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị B và anh Cà Văn D đăng ký kết hôn ngày 26/3/2024 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Điện Biên), kết hôn tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 02/2025 cho đến nay. Từ khi sống ly thân anh chị không còn quan tâm, thương yêu và liên lạc gì với nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, chị Lò Thị B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cà Văn D.

Về con chung: Chị Lò Thị B và anh Cà Văn D không có con chung; hiện tại chị Lò Thị B không có thai.

Về tài sản chung; nợ chung: Chị Lò Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 13/6/2025 thụ lý vụ án, đến ngày 02/7/2025 Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của đương sự, lấy lời khai chị Quàng Thị T về tình trạng hôn nhân của chị Lò Thị B và anh Cà Văn D. Qua xác minh cho thấy: Chị Lò Thị B và anh Cà Văn D kết hôn ngày 26/3/2024, cuối năm 2024 anh Cà Văn D chuyển đăng ký thường trú từ bản Đ, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là bản Đ, xã S, tỉnh Điện Biên) đến bản V, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là bản V, xã B, tỉnh Điện Biên). Khoảng tháng 02/2025 anh chị phát sinh mâu thuẫn, anh Cà Văn D đã về nhà anh trai và chị dâu (anh Cà Văn T1, chị Quàng Thị T) tại bản Đun Nưa, xã S, tỉnh Điện Biên sinh sống một thời gian vì hiện tại anh Cà Văn D đang có một người con riêng (cháu Cà Hải Y) của vợ trước đã ly hôn sinh sống cùng gia đình anh chị (C, Quàng Thị T). Hiện tại anh Cà Văn D đang đi làm thuê ở thành phố Hà Nội nhưng chị Quàng Thị T không biết địa chỉ. Anh Cà Văn D đi làm thuê ở xa và chính quyền địa phương không biết địa chỉ nơi ở, nơi làm việc, không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Cà Văn D. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết các văn bản tố tụng anh Cà Văn D vẫn không có mặt nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Ngày 31/7/2025, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự nhưng anh Cà Văn D vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về sự vắng mặt không có lý do của anh Cà Văn D và tiến hành niêm yết Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật. Ngày 31/7/2025, chị Lò Thị B đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 28/8/2025, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên mở phiên tòa xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 và đã tổng đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật, anh Cà Văn D vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa theo luật định.

Tại phiên tòa ngày 15/9/2025, chị Lò Thị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện và bản tự khai. Anh Cà Văn D vắng mặt lần 2 không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thấy rằng. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án, đảm bảo việc giải quyết vụ án kịp thời, đúng pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Điện Biên không có yêu cầu, kiến nghị gì. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về Luật sửa đổi bổ

sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và địa chỉ của các đương sự, Tòa án xác định đây là vụ án: “*Ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp xác minh sự vắng mặt của bị đơn tại nơi cư trú, tình trạng hôn nhân, tổng đạt và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Cà Văn D, nhưng anh Cà Văn D không có mặt tại Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, anh Cà Văn D đã tự từ bỏ các quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình. Ngày 31/7/2025 chị Lò Thị B có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Lò Thị B, được Tòa án triệu tập họp lệ và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Cà Văn D được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt chị Lò Thị B và anh Cà Văn D tại phiên tòa.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Về kết hôn: Chị Lò Thị B và anh Cà Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 26/3/2024 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Điện Biên), cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị B và anh Cà Văn D là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Chị Lò Thị B khai nguyên nhân mâu thuẫn gia đình do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn và anh chị đã sống ly thân.

Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của chị Lò Thị B về tình trạng hôn nhân là có căn cứ phù hợp với biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, thực tế anh chị đã sống ly thân và trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm tới ai. Hội đồng xét xử nhận định chị Lò Thị B và anh Cà Văn D không còn tình cảm vợ chồng; không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị B.

[4] Về con chung: Chị Lò Thị B và anh Cà Văn D không có con chung; hiện tại chị Lò Thị B không có thai, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Phát biểu của kiểm sát viên: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí: Chị Lò Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 9, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 9, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lò Thị B đối với bị đơn anh Cà Văn D.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị B được ly hôn anh Cà Văn D.
- Về con chung: Không có.

2. Về án phí: Chị Lò Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 300.000đ (ba

trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lò Thị B đã nộp: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001966 ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3).

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày niêm yết bản án sơ thẩm tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 3 - Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã B, tỉnh Điện Biên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Việt Hương